

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HS-ST
Ngày: 11/01/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN - TỈNH AN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thường

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh ngày 28/3/1993. Nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang; tạm trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: **không biết chữ**; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1975; Anh chị em ruột có ba người, bị cáo là người thứ nhất; Sống như vợ chồng với Đặng Thị M, sinh năm 1995; Con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Dương Văn V, sinh năm 1964. Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị C1, sinh năm 1967. Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2/ Bà Châu Thanh H, sinh năm 1966. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người làm chứng:

1/ Chị Đặng Thị M, sinh năm 1995. Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N: Bà Phạm Thanh Ái Duyên - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 23/4/2022, Nguyễn Văn N đến nhà Dương Văn V tại ấp V, xã V, huyện T tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nơi, N mở chốt cửa rào, đi đến bàn đá đặt trước sân nhà mở ví da của V1 lấy Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67F5-4776, tiếp tục N quay sang thấy xe mô tô biển số 67F5-4776 đang dựng cạnh bên, chìa khóa còn ghim trên ổ khóa xe nên dẫn xe ra đường, nổ máy chạy về nhà Nguyễn Thị Tuyết V (mẹ của N) tại ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, V1 phát hiện xe bị mất trộm và nghi ngờ N lấy trộm nên thông báo cho Đặng Thị M (vợ của N) biết. Lúc này, M gọi điện thoại cho N thì N thừa nhận việc lấy trộm tài sản của V1. Sau đó, N đến Công an xã Vĩnh Khánh đầu thú, giao nộp vật chứng.

Ngày 16/8/2022, N bị khởi tố điều tra.

Vật chứng thu giữ: Xe mô tô biển số 67F5-4776, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67F5-4776. Ngày 03/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thoại Sơn trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe cùng xe mô tô này cho Dương Văn V.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 24 ngày 28/4/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Thoại Sơn, ghi nhận: Xe mô tô biển số 67F5-4776 trị giá 8.450.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 53/CT-VKSTS-HS, ngày 01/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với các vật chứng thu giữ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại anh Dương Văn V và người làm chứng bà Nguyễn Thị Tuyết V, chị Đặng Thị M trình bày như nội dung vụ án đã nêu. Hiện V1 đã nhận lại tài sản bị mất nên không yêu cầu bồi thường thiệt hại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức án tù 09 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên không đề cập xem xét.

Về xử lý vật chứng: Không có, không đề cập xem xét.

Trợ giúp viên pháp lý Phạm Thanh Ái Duyên bào chữa cho bị cáo N thống nhất với điểm, khoản và Điều luật Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo, tuy nhiên cần xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ sau: Bị cáo xuất thân từ thành phần lao động, trình độ học vấn không biết chữ nên hiểu biết pháp luật hạn chế; hoàn cảnh bị cáo khó khăn, là lao động chính trong gia đình đang nuôi con nhỏ; sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thật thà khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Từ nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án 09 tháng tù như Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt giúp ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thoại Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong vụ án này còn có người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy sau khi vụ án xảy ra, người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn N:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các biên bản hoạt động tố tụng. Ngoài ra còn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đầy đủ căn cứ xác định: Khoảng 04 giờ ngày 23/4/2022, Nguyễn Văn N đến nhà Dương Văn V lấy trộm Giấy chứng nhận đăng ký xe và xe mô tô biển số 67F5-4776. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 8.450.000 đồng.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn đã truy tố bị cáo về tội danh, Điều luật đã viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn N là người đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe nhưng không chịu lo lao động để nuôi sống bản thân, giúp ích cho gia đình, ngược lại vì tham lam tư lợi muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động vất vả nên dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Bị cáo biết trộm cắp tài sản người khác là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện; điều này thể hiện bị cáo là người xem thường pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chẳng những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân vì phải thường xuyên đề cao cảnh giác. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Không

[5] Về tình tiết giảm nhẹ:

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ sau: Bị cáo xuất thân từ thành phần lao động, trình độ học vấn không biết chữ nên hiểu biết pháp luật hạn chế; sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thật thà khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[7] Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn N chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án; riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã, thị trấn nơi đương sự cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan điều tra CA huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan THA hình sự huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Bị cáo, bị hại, đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Văn Triều**